

PHẬT-GIÁO HỘI

ASSOCIATION BOUDDHIQUE



ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY THỨ BA

Báo quán ở chùa Quán-Sứ phố Richaud, Hanoi

慧 燦 報

Chủ nhiệm
NGUYỄN-NANG-QUOC
Chánh hội trưởng
hội Phật-Giáo
Quản lý
CUNG-DINH-BINH

Chánh chủ bút
PHAN-TRUNG-THU
Sư cụ chùa Bằng-Số,
Phó chủ bút
DUONG-VAN-HIEN
Sư cụ chùa Tĩ-Cáo



GIÁ BÁO :

CẢ NĂM : 1 \$ 00 — NỬA NĂM : 0 \$ 50 — MỖI SỐ : 0 \$ 03

**Kính trình các hội-viên hội Phật-giáo
và các vị độc-giả báo « Đuốc-tuệ »**

Ngài nào dời chỗ ở thì xin gửi thư về ngay nói cho chúng tôi biết để tiện gửi thư từ báo sách khỏi thất lạc xin các ngài nhớ kỹ cho.

**Kính trình các giáo-hữu hội-viên
hội Phật-giáo**

Báo « Đuốc-tuệ » của hội ta ấn-hành là cốt diễn-dịch những kinh sách nhà Phật để cho hội-viên trong hội cùng hiểu thấu giáo-lý mà tu hành. Báo ra mỗi năm 52 quyển, hội chỉ lấy vừa đủ tiền in có một đồng bạc ; ai cũng nêu và cũng có thể mua xem được cả.

Vạy kính trình các giáo-hữu ai đã nhận mua báo rồi thì xin đem tiền giả tại ông chánh đại-biểu địa-phương mình mà lấy giấy biên lai ; ai chưa nhận mua báo thì xin biên rõ tên họ và chỗ ở giao tại ông chánh đại-biểu địa-phương mình hay là gửi thẳng về chùa Quán-sứ Hanoi để chúng tôi gửi báo tới.

**Kính trình các vị chánh đại-biểu đại-lý
hội Phật-giáo ở các địa-phương**

Chúng tôi xin gửi ngài một quyển biên lai nhận tiền báo để ai gửi giả tiền báo thì ngài biên lai thu giùm cho. Trong số hội-viên ở địa-phương ngài ai chưa mua thì xin ngài gia công khuyến hóa giúp, rất cảm ơn ngài.

BẢN BÁO KHẢI SỰ

Vì mấy số báo đầu hết cả vạy từ nay ai mua năm hoặc mua nửa năm, chúng tôi xin gửi từ số 15 trở đi mà hạn mua báo sẽ kể bắt đầu từ đấy.

Thư từ và mēndat xin nhớ gửi cho ông Cung-đình-Bính quản-lý báo Đuốc-tuệ chùa Quán-sứ, phố Richaud Hanoi.

HỌC TIÊU-THẶNG VA ĐẠI - THẶNG

(Tiếp theo số 17)

TTIÊU-THẶNG (Hinayana) là cỗ xe nhỏ, đại-thặng (Mahayana) là cỗ xe lớn, đó là theo nghĩa danh-từ mà cất, một bên ví như cỗ xe nhỏ hẹp, chỉ chở được một người, hay là một số ít người, và không đi được xa. một bên ví như cỗ xe lớn rộng, có thể chở được hết thầy chúng-sinh, và đi đến nơi đến chốn, là chỗ quan-thiết cứu-cánh vậy.

Nay hãy lược xét xem học tiêu-thặng và đại-thặng khác nhau thế nào.

Theo trong Viên-giác-kinh-sớ 圓覺經疏, học tiêu-thặng có bảy mươi nhăm phép (1), nếu kể và giải nghĩa từng phép, e rằng có phần phiền phức, làm cho độc-giả bối-rối và khó hiểu, song có thể tóm cả lại mà chia làm nã n pháp-môn :

10 — *Sắc-pháp* 色法 có mười một phép. Hết thầy cái gì hiện ra ở ngoài ngũ-trần, cảm-súc vào trong ngũ-căn đều gọi là sắc. Hợp cả ngũ-căn ngũ-trần thành mười sắc-pháp, thêm một ý căn nữa thành mười một. Mười một phép thuộc về sắc tướng, hoặc là khả kiến, hoặc là khả đối, cho nên đều gọi là sắc-pháp.

20 — *Tâm-pháp* 心法 có một. Tâm là cái nguồn gốc của ý thức và của cả căn trần.

(1) Đây chỉ nói đại lược, làm chỗ so sánh về hai học phái, đến bài khác nói riêng về học tiêu-thặng, sẽ cất nghĩa rõ từng phép một.

30 — *Tâm-sở hữu-pháp* 心所有法 có bốn mươi sáu. H
thầy những năng-lực của ý-thức, hoặc là lĩnh-thụ ở ng
vào, hoặc là phát-dộng ở trong ra, gọi là tâm-sở-hữu. Tr
pháp-môn này lại chia ra làm sáu mục :

a) *Biển-dại-địa* 徧大地 có mười phép : là thụ, tưởng, t
súc, dục, tuệ, niệm, lạc-ý, thắng-giải, đấng-trì, những ph
này thông cả bên thiện sang bên ác, thông cả bên ác sa
bên thiện cho nên gọi là biển-dại-địa, nghĩa là khắp
thầy, chỗ nào cũng có cả.

b) *Đại-thiện-địa* 大善地 có mười phép : là tin, cần, s
tâm, quý, vô tham, vô sân, bất hại, khinh an, bất phóng-d
những phép này xét riêng những lối tu-tập để làm đi
đại thiện.

c) *Đại-phiền-não* 大煩惱 có sáu phép : là si, phóng-d
giải-dãi, bất-tin, hôn-trầm, trạo-cử, những phép này
riêng về những mối phiền não lớn làm cho lòng người sa
lệch.

d) *Đại-bất-thiện* 大不善 có hai phép : là vô-tâm và v
quý, hai phép này trái với mười phép đại-thiện, giay ngư
tu-tập phải hết sức mà sửa đổi.

e) *Tiểu-phiền-não* 小煩惱 có mười phép : là phẫn, ph
(đấu điểm những điều tội lỗi) lặn, đố, nảo, hại, hận, siểm
cuống, kiêu, những phép này so với đại-phiền-não có khác,
vì đại-phiền-não là những điều tự trong tâm phát động ra,
còn đây là vì ngũ-trần mà phát động, song cũng đủ làm hệ
lụy cho người. Cho nên gọi là tiểu-phiền-não.

f) *Bất-định-pháp* 不定法 có tám phép : là hối, miên-thuy,
tâm, tứ, (dò xét tò mò) tham, sân, mạn, nghi, những phép
này làm cho người dễ bị lẫn lộn sai lệch, mất cái định-lĩnh
của bản-thể, cho nên gọi là bất-định.

40 — *Bất tương ứng hành pháp* 不相應行法 có mười
bốn phép : là đắc, phi đắc, đồng phân, vô-tướng dị-thực,
vô-tướng-định, duyệt-lận-định, mệnh-căn, sinh, trụ, dị,
đuyệt, danh-thân, cú-thân, văn-thân, những phép này không
thuộc và cũng không cùng đi với sắc-pháp, tâm-pháp, tâm-
sở-hữu-pháp, cho nên gọi là bất-tương-ứng.

50— *Vô-vi-pháp* 無爲法 có ba phép, là trạch-duyệt, (dùng trí-tuệ để đoạn diệt vọng hoặc) phi-trạch-duyệt (vọng hoặc hết rồi không cần phải dùng đến trí-tuệ) hư-không (hiểu lẽ chân-không) bốn môn trên thuộc về thể-gian-pháp, đều là hữu vi, đây thuộc về xuất-thế-gian pháp, cho nên gọi là vô vi, vô vi nghĩa là đã vào được cõi đạo rồi, ác đã không thì thiện cũng là không, mê đã không thì giác cũng là không, tự-nhiên tự-tại, hết thầy những tạo-tác và tự-trạch đều thoát bỏ cả.

Lại theo trong đại-thặng bách pháp minh môn luận 大乘百法明門論, học đại-thặng có một trăm phép (1). Trăm phép này cũng có thể chia làm năm pháp-môn.

1° — *Sắc-pháp*, mười một ;

2° — *Tâm-pháp*, tám ;

3° — *Tâm-sở hữu-pháp*, năm mươi mốt ;

4° — *Bất-tương ứng-hành-pháp*, hai mươi bốn ;

5° — *Vô-vi-pháp*, sáu.

Nay xét năm môn của đại-thặng và tiểu-thặng, ta thấy :

Môn thứ nhất là sắc-pháp, hai bên cùng đồng nhau ; môn thứ nhì là tâm-pháp, bên tiểu-thặng có một, bên đại-thặng có tám, nhiều hơn ra bảy phép ; môn thứ ba là tâm-sở hữu-pháp, bên tiểu-thặng có bốn mươi sáu, bên đại-thặng có năm mươi mốt, nhiều hơn ra năm phép ; môn thứ tư là bất-tương ứng-hành-pháp, bên tiểu-thặng có mười bốn, bên đại-thặng có hai mươi bốn, nhiều hơn ra mười phép ; môn thứ năm là vô-vi, bên tiểu-thặng có ba phép, bên đại-thặng có sáu phép, nhiều hơn ra ba phép. Nghĩa là bên đại-thặng nhiều hơn bên tiểu-thặng cả thấy là hai mươi nhăm phép.

Ta lại xét những nội-dung ở trong năm môn của cả hai phái, ta thấy cách chi-phối phần nhiều đồng-dồng nhau ; một trăm phép so với bảy mươi nhăm phép tuy có phần tinh-mật hơn, nhưng không mâu-thuẫn nhau chỗ nào, thì sao lại là khác nhau, khác nhau một cách tiết nhiên, như những lời biện-sích của các luận-sư trong thiên-gia vậy.

(1) Một bài khác sẽ cắt rõ về bách-pháp-môn.

Nhưng ta nên nhận xem Phật-học chú trọng nhất là ở chỗ nào ? Phật-tổ dạy rằng : « tam-giới duy-tâm », lại dạy rằng : « nhất-thiết giai tâm tạo » thế thì biết rằng chữ tâm là cái quan kiện của Phật-học. Muốn xét cái tâm trước hết phải bằng cứ vào ngũ-căn, ngũ-trần và ý-thức, bởi thế mà có môn sắc-pháp ; bằng cứ ở sắc-pháp có thể tìm được đến tâm, bởi thế mới có môn tâm-pháp ; đã tìm đến tâm thì phải biết trong tâm có những gì, bởi thế mới có môn tâm-sở hữu-pháp ; đã biết ở trong tâm thì nên biết những sự phân hợp duyên' trợ luân-chuyển ở ngoài tâm là thế nào, bởi thế mới có môn bất-tương-ứng hành-pháp. Xét đủ bốn phương này mới lập ra được những phép tu tập để noi theo mà đi đến nơi giải-thoát, bởi thế môn cuối cùng là vô-vi-pháp. Môn thứ nhất bởi những phần phụ thuộc của tâm mà tìm đến tâm ; môn thứ nhì tìm đến chỗ đích là tâm ; môn thứ ba tìm rõ tướng thể dụng của tâm ; môn thứ tư tìm những sự ở ngoài tuy không thuộc của tâm mà có quan-hệ đến tâm ; môn thứ năm là phép tu chứng của tâm ; đại-thặng và tiểu-thặng đều lập ra năm môn giống nhau, thế là đều chú-trọng về chữ tâm cả, vậy ta có thể xét riêng một môn tâm-pháp mà nhận ra chỗ khác nhau của hai phái. Môn tâm-pháp của phái tiểu-thặng có một phép là ý-thức, nghĩa là theo từ nhơn thức, nhĩ thức, tị thức, thiết thức, thân thực cho đến ý thức là thức thứ sáu, căn cứ ở thức này để xét tâm hương. Môn tâm pháp của phái đại-thặng có tám phép nghĩa là theo sáu thức trên cũng như ở trong tiểu-thặng lại thêm ra hai thức nữa là mặt-na và a-lị-da ; thức mặt-na cũng gọi là biệt-thức, ý-thức nhờ ở thức này mới sinh ra, a-lị-da cũng gọi là tàng-thức, là thức chứa đựng cả bảy thức trên. Nói cho đúng ra thì môn tâm-pháp của tiểu-thặng xét tâm mà xét còn ở phần nông ; môn tâm-pháp của đại-thặng xét tâm xét đến phần sâu, chỗ nông và chỗ sâu vốn là chỗ liên-tiếp nhau mà lại là chỗ xa cách nhau ; vì thế mà những lý giải của hai phái, bên thì cho ý-thức là tâm dung, bên thì không cho ý-thức là tâm dung, mà có nhiều chỗ không hợp nhau vậy.

(Còn nữa)

BÙI-KỶ

MƯỜI VỊ ĐẠI ĐỆ-TỬ' CỦA PHẬT

Đức Phật Thích-ca thuyết-pháp 49 năm, lập nên giáo-hội đạo Phật, người đời qui-y theo học đủ bốn hạng : Tăng, ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, gọi là « tứ chúng ». Tổng số « tứ chúng » bấy giờ kể hàng nghìn vạn, đều là đệ-tử. Nhưng cái số trao-truyền được tâm-pháp, tuyên-dương được giáo-lý của Phật lại cho đời sau thì chỉ có mười người gọi là mười vị Đại đệ-tử của Phật. Mười vị ấy đều là những bậc thông-minh trí-tuệ, gồm mọi học-vấn, đủ mọi đức-hạnh, nhiều Ngài đã từng chủ-trương về một đạo khác, giáo-hóa một số đông đệ-tử, từng lấy một thời, rồi mới cải ngộ mà theo học về với Phật. Thời-kỳ mới theo học Phật thì mười vị đều cùng ở bậc Tiểu-thừa, chứng quả A-la-hán, đến sau thời-kỳ Phật sắp vào nát-bản, thì mười vị đều chứng lên bậc Đại-thừa được Phật thụ-ký cho cả.

Song theo kinh Tăng nhất A-hàm thì tựu-trung mỗi Ngài đều có một đặc tài mà hưng-hiến về một môn pháp trong đạo Phật hơn. Nay tham khảo các kinh sách, đem tên hiệu, lịch-sử và công-đức của từng Ngài, lược thuật ra sau này :

1 — Ngài Đại Ca-diếp 大迦葉

Đại Ca-diếp là tên họ, nhơn lấy họ mà gọi tên người. Nguyên tiếng phạn là « Ma-ha Ca-diếp-ba 摩訶迦葉波 » Mahākasyapa, dịch ra nghĩa thì « Ma-ha » là lớn, « Ca-diếp-ba » là rửa, (qui 龜), tức là họ Đại Qui-thị 大龜氏.

Lại một nghĩa : « Ca-diếp » là sáng, (quang 光), « ba » là uống, (âm 飲), vậy Ca-diếp-ba là uống sáng, là ngậm ánh-sáng lại không cho hiện-lộ ra ngoài. Tức là họ Đại Âm-quang thị 大 飲 光 氏.

Theo nghĩa trên là do sách Pháp-hoa-văn-cù 法華文句 nói rằng : vì Tỳ-khiên nhà Ngài lúc học đạo đã thành, có con rùa thiêng hiện ra và lưng nó có đội một bức đồ-họa. Bởi thế tiên-tổ nhà Ngài mới lấy cái diềm hay ấy mà đặt tên họ là Đại Qui-thị 大龜氏.

Theo nghĩa dưới là do sách « Chân-đế tam-lạng 眞諦三藏 » nói rằng : vì ngày xưa có ông Tiên minh có hào-quang mà không để cho hào-quang ấy sáng lóe ra ngoài, nên gọi là ông Tiên Âm-quang, nay chính mình ông Ca-diếp này cũng giống như thế, nên cũng gọi là Âm-quang.

Còn chính tên ông Ca-diếp thì là « Tất-ba-la 畢波羅 » Pipala, do cha mẹ Ngài cầu-đạo ở vị thần cây Tất-ba-la mà sinh ra được Ngài, nên gọi tên là Tất-ba-la. Nhưng thường chỉ gọi bằng tên họ chứ không gọi đến tên chính. Lại vì trong môn-đồ Phật còn có ba ông nữa cũng gọi là Ca-diếp nên mới gọi ông này là Đại Ca-diếp cho phân-biệt với ba ông kia.

Đại Ca-diếp là con một vị trưởng-già họ Ca-diếp, giòng Bà-la-môn, một họ lớn nhất ở nước Ma-già-đa cõi Ấn-độ. Ông vốn học đạo Bà-la-môn, tinh thông khắp các khoa-học như : Tế-tự, thư-họa, toán-số, khắc-ấn, văn-chương, linh-tú, âm-dương cát hung, ca-vũ, âm-nhạc và kinh « Tứ-vi-đà 四韋陀 » là sách cổ thánh-kinh của Ấn-độ, nhà rất giàu, vợ là Diệu-hiệu rất đoan-chính, xuất trong một nước không có người đàn bà nào bằng. Hai vợ chồng đều không ham muốn sự gì ở đời, chỉ nghĩ thương xót chúng-sinh khổ-sở, lo tìm đạo chính để cứu-độ cho, bèn chút bỏ cả một cái gia-sản lớn, một cái địa-vị quí-tộc, mà cùng rủ nhau vào rừng tìm thầy để cầu đạo. Tự mình cởi bỏ áo gấm thêu chỉ vàng đi mà mặc cái áo rách mùi nhỏ-nhem, lại tự cạo cả tóc râu đi mà cùng đồ-đệ đi khất thực. Kinh Thủ-hoa 手華 nói rằng : « Bây giờ có vị Trưởng-lão là Đại Ca-diếp cùng 500 vị Tử-khâu cùng trụ ở trong cái đền đá thờ vua Đế-Thích tại núi Vi-đề-ha cùng tu phép đầu-đà đi xin cơm mà ăn, nhất để trảp làm áo mà mặc, thường ngồi nghĩ ở dưới gốc cây. Sau nghe biết đức Phật Thích-ca thành đạo, thuyết-pháp giáo-hóa ở Vườn-trúc, ông bèn tìm đến xin qui-y ». Sách Phó Pháp-tạng 付法藏 lại nói : « Lúc Đại Ca-diếp tìm đến nơi đức Thích-ca thì ông mặc cái áo bằng những mụn rẻ chấp lại, ông rập đầu kính lễ rồi trảp tay đứng mà bạch Phật rằng : « Nay tôi xin qui-y về đạo của Đức Thế-tôn là đạo rất trong sạch, xin Ngài thương đến tôi mà nhận cho tôi được dự vào cuối hàng của các đệ-tử Ngài ».

Đức Thích-ca tán thán ông Ca-diếp rằng : « Không ngoan thay là ông Ca-diếp, biết tìm về đây rồi mới Đức Thích-ca phân nửa tòa ngồi ra mà mời ông Ca-diếp ngồi. Ông Ca-diếp bạch với Thích-ca rằng : « Tôi là một kẻ đệ-tử cuối hàng của Đức Thế-tôn, thế mà Ngài cho tôi ngồi ngang với Ngài, tôi đâu dám tuân lời ấy. »

Đại Ca-diếp ở trong môn-đồ Phật, Ngài là bậc đầu-đà đệ-nhất, nghĩa là Ngài làm đủ 12 phép đầu-đà rất khồ-hạnh không ai bằng. Đó là một hạnh đặc-biệt của ông từ trước, còn đối với đạo-lý của Phật, ông cũng đều hiểu thấu hơn cả. Cho nên một ngày kia là khi đức Thích-ca biết mình sắp mãn quả rồi, Ngài hội cả đại chúng ở trên núi Linh-thứu (靈鷲) có tới trăm vạn người. Ngài cầm cành hoa sen tỏ cho chúng. Xem có ai hiểu ý gì không, thì chẳng ai hiểu chi cả. Chỉ có một ông Đại Ca-diếp là trông thấy bèn tùm tùm cười.

Đức Thích-ca liền bảo ông Đại Ca-diếp rằng : « Ta có Chính pháp nhãn-tạng 正法眼藏 và Bát-bàn diệu-tâm, ta truyền lại cho ngươi. »

Ông Đại Ca-diếp vốn chứng ngôi A-la-hán là ngôi thánh về Tiểu-thừa, nhưng đến ngày ở hội Pháp-hoa này thì ông đã chứng tới bậc Đại-thừa. Đức Thích-ca bảo cho đại-chúng biết và Ngài thụ-ký cho ông Đại Ca-diếp rằng : « Chính ông Đại Ca-diếp là đệ-tử của ta này, đời vị-lai đây, ông sẽ được hầu hạ ba trăm vạn ức Đức Phật Thế-tôn mà cũng dùng, cung-kính các Ngài. Ông lại tuyên-truyền phép lớn vô-cùng của Chư Phật cho rộng mãi ra. Đến cái thân đời sau cùng, ông sẽ thành Phật, gọi là Đức Quang-minh Như-lai ».

Thế rồi ngày hôm sau, lúc Đức Thích-ca sắp vào cõi nát-bán, các vị Tỳ-khâu hai ba lần xin Phật hằng trụ lại thế gian. Phật nói : « Các ngươi khờng nên nói như thế. Ta có bao nhiêu chính-pháp bậc trên hết, nay ta đã phó-chức hết cả cho ông Ma-ha-ca-diếp. Ông Ca-diếp đây rồi là người đại-y-chỉ cho các ngươi (sách Ca-diếp thụ-ký). Rồi Đức Thích-ca lại phó-chức cho ông Ca-diếp rằng : « Ta tu-hành khồ-hạnh đã bao nhiêu kiếp, chỉ vì mọi chúng-sinh cầu lấy phép vô-thượng. Xưa ta cầu-nguyện như thế, nay đã được

TRÍCH TRONG KINH PHÁP-CÚ-DỤ

Ngày xưa có một người Cư-sỹ nhà rất giàu có, mà lại tin-nguỡng Phật-giáo, thường kết-giao với một vị Sa-môn, vị Sa-môn ấy lại có phép thần-thông, tu hành đã vào bậc đoạn trừ được phiền-não; hàng ngày thường tới lui nhà Cư-sỹ để chỉ bảo kinh giáo. Hai người đem tinh su-dê, mà kết nghĩa kim-lan, ngoài sự tu-niệm ra, những khi giãng trong hoa ngát, vườn mướt cảnh thi-ca mà cùng nhau thưởng họa. Vị Cư-sỹ ấy lại được người vợ hiền thực và đoan trang, trong gia-dinh thời đượm vẻ yên vui, ngoài xã-hội lại nức danh trưởng-giã. Năm sau vị Sa-môn kia đi du hóa phương xa, thời người Cư-sỹ nọ ở nhà bị cảm-hàn yếu nặng, thuốc thang điều trị đã hết phương, mà bệnh tình ngày thêm trầm-trọng. Một hôm thầy thuốc án mạch bảo rằng: « bệnh này thể nào cũng chết, thôi đừng cầu cúng nữa mà uống công.» Người vợ thương xót đem ngày cử gục vào bèn chổng mà sụt-sùi năn-ni, mãi đến khi chổng gần nhắm mắt, còn ghé vào mặt chổng mà nức-nở than rằng: « Tôi với chàng tình trong chấn gối, nghĩa nặng tử-sinh, ngon ngọt có nhau, đắng cay cùng chịu, những việc nặng nề đến đâu chẳng nữa, chúng ta cũng thường góp cật chung vai. Nay chàng nữ nào duỗi thẳng hai tay để tôi đây ruột vò chín khúc. Vạn nhất chàng mà có mệnh hệ nào, thời thực là gia-dinh mẹ hóa con côi, biết đâu nư... dựa.» Người chổng bệnh đã kịch rồi, song vì cảm tình ái quá, còn mở mắt trông vợ mà nước mắt giổ theo, trong khoảng hồi lâu mới chết, thần thức xuất ra ở con mắt; người vợ vì gục vào mặt chổng mà khóc nên thần-thức người chổng chui ngay vào mũi vợ rồi hóa thành một con trùng. Người chổng chết rồi, người vợ vì thương chổng bạc phận, xót nỗi cô-đơn, lại thêm trong mũi buồn rức, cứ ngày đêm khóc lóc kêu gào, làm những người gần nhà cũng phải động lòng áo não. Một hôm vị Sa-môn về nghe biết người bạn chết, mới đến hỏi thăm, người vợ trông thấy vị Sa-môn lại càng khóc than rầu rĩ nói rằng: Hòa-thượng ơi, ngài mãi đi đâu mà không về cứu lấy chổng tôi để chim sẻ lạc đàn, gà con mất mẹ, đau lòng kể ở, thiệt

phận người đi, khổ sở trăm chiều, đắng cay ngàn nỗi. Vị Sa-môn khuyên rõ mà rằng: Thôi tử sinh hữu mệnh, kêu khóc có ích gì; chóng nên nghe ta, thương nhớ hãy để lòng, nếu còn ái-ân thời kiếp sau lại gặp, người kia nghe vị Sa-môn nói, vấn lại tóc rồi si mũi thế nào trong mũi bật ra ngay một con xâu to bằng con đĩa, vị Sa-môn cười mà nói rằng: ở đời ít người có nghĩa như bà, thương chồng đến nỗi khóc có xâu ở trong lỗ mũi. Người kia thẹn quá toan lấy chân đi chết con xâu. Vị Sa-môn vội vàng soa tay bảo rằng: chớ chớ! Bà chớ coi thường, con xâu ấy chính là linh-hồn chồng bà đấy. Người kia lấy làm ngạc-nhiên hỏi vị Sa-môn rằng: chồng tôi suốt đời làm phúc mà nay chết sao lại phải thác sinh làm loài trùng? vị Sa-môn trả lời rằng: vì chồng bà đến khi sắp chết, bà không lo tụng kinh niệm Phật, lại cứ đem tình ái-ân mà than khóc bên tai, nên linh-hồn khi lâm chung cũng những bề chính-niệm, mà nặng gia ái-ân, rồi kết thành khối-tình xâu bọ. Vị Sa-môn ấy lại đến gần con xâu kia mà bảo nó rằng: người trước cũng chăm chỉ tụng kinh làm phúc, nhẽ ra thời được sinh thiên hay sang Cực-lạc, song vì cái nguồn ái-ân của vợ chồng người, nó còn sâu thẳm nghìn trùng, thành ra đến khi hơi thở cuối cùng mà người còn gây nên nghiệp-chướng, nghĩ có khổ không? Con xâu kia nghe xong, bình sinh không gục đầu thẹn hổ, song vì nó có cái gốc lành từ đời trước nên nó cũng biết ăn-năn quẩn quại một lúc lâu rồi được hóa sinh về đường nhân đạo.

Nhời bàn

Ở đời có nhiều người vẫn kính thương những khi bệnh nhân hấp-hối, chỉ mãi sụt-sùi khóc-lóc, và sắm sửa đồ đưa đám cho sang, chứ không biết chăm tụng niệm để sửa đường chính-niệm cho người vong, thật là một sự đi hám ngàn thu cho người tắt nghỉ. Ta thử nghiệm mà coi trong y học đã nói những người khỏe mạnh mà gặp khi đầu yếu thời khi ấy chồng vợ cũng không nên quá gần nhau e rằng bệnh tình lâu khỏi, huống như khi người bệnh đã sắp chết mà còn năn-nỉ lời-thôi, làm cho người ta đã chết mà cũng không được yên tâm, còn phải sa thêm rớt

nước mắt cuối cùng rồi mới về nơi chín suối, lại gây thành cái nghiệp dữ tương-lai, thời hiểu nghĩa cũng bằng thừa, mà ma-chay cũng vô ích, cho nên về môn Tịnh-độ, chư Tổ có nói rằng; nếu dề người vọng tất nghi lâu rồi mới tụng kinh niệm Phật, thời có khác gì Tặc-khử quan-môn (賊去關門) nghĩa là giặc đi rồi mới đóng cửa, chẳng phải là cuồng dại lắm ư? chi bằng đối với người sắp chết, trước hết người nhà phải đem những câu chuyện êm đềm mà nói, khiến cho người bệnh vui vẻ, không còn hối hận điều gì, sau phải đốt hương cắm hoa mà niệm Phật, rồi đục cho người bệnh niệm theo, để quên hết những sự trần-hoàn vọng tưởng, khi lâm chung lại cảm được Phật-tổ đón đưa, chả hơn cứ chấp nệ những sự hiểu-nghĩa tầm thường mà thở than khóc lóc.

Sa-môn THÁI-HÒA

BÀI DIỄN-THUYẾT Ở CHÙA QUÁN-SỨ

Của ông NÔNG-SƠN : NGUYỄN-CAN-MỘNG

Thưa các giáo-hữu.

Hội chúng ta đây là hội *Chấn-hưng Phật-giáo*. Hội thì phải có tôn-chỉ. Hai chữ *chấn-hưng* tức là tôn-chỉ của hội ta đó.

Nay tôi xin nói :

Ý-nghĩa *chấn-hưng* ;
Nguyên-do *chấn-hưng* ;
Chủ-nghĩa *chấn-hưng* ;
 và *Công-việc* *chấn-hưng*.

a) *Ý-nghĩa chấn-hưng là thế nào?*— Hai chữ *chấn-hưng* nghĩa là như giậy, làm cho chấn-động cái suy-nhược, hưng khởi cái đời-đương. Có suy-đời mới phải *chấn-hưng*. Thịnh phải có lúc suy, là lẽ tất-nhiên của tạo-hóa; suy mà chuyển ra thịnh là sức yãn-hồi của nhân-công. Kinh Phật nói rằng: « *Hữu quá-khứ, hữu hiện-tại, hữu vị-lai, tam-thế cái* ». nghĩa là có đời đã qua, có đời hiện-tại, có đời chưa tới, ba đời biến đổi, mà thịnh suy hiện ra. Kinh lại

nói rằng : « *Liễu tri tam-thế-sự, phương bất bị tam-thế chuyển, nhi năng chuyển tam-thế hĩ* », nghĩa là mình suốt việc ba đời, mới không bị ba đời chuyển mình, mà có thể soay chuyển được ba đời. Ý-nghĩa sâu-xa, thật là phương-châm cho hội chúng ta đây.

Tôi xin kể lịch-sử Phật-giáo truyền sang nước ta từ bao giờ. Trải qua bao nhiêu thời-kỳ, lúc nào thịnh lúc nào suy, mới có thể rõ đ.ư.c.

1° *Thời-kỳ phối thai*. — Đang khi Bắc thuộc, Phật-giáo truyền sang cũng đồng thời với Nho-giáo ; Cụ Sĩ-Nhiếp gây ta chữ Nho, thì cụ Vi-ni-ta-ruy-si cũng sang truyền đạo Phật. Hiện bây giờ còn nền cũ là chùa Từ-Pháp, ở phủ Thuận-thành, tỉnh Bắc-ninh. Tiếp sau có Cụ Vô-ngôn-Thông sang giảng kinh ở chùa Kiến-sơ, làng Phù-dồng, cũng tỉnh ấy. Khi mới truyền-giáo chắc phải dựa vào Nho-giáo, vì kinh-kệ Phật-giáo cũng bằng chữ Nho cả, do các pho sách mà các sư tâu đã dịch ra. Phải truyền sang ta là phái đại-thặng ; cái nguyên-nhân khi mới truyền sang, chẳng khác gì như mới đem cây bồ-đề giống vào đất nước Việt ta, bao nhiêu công bón tưới mới được rườm-rà tươi-tốt. Đến đời Đường đô-hộ, đã có mấy vị cao-tăng sang giảng kinh cho vua Đường, như Cụ Vô-ngại-thượng-nhân, Cụ Phụng-định Pháp-sư và Cụ Duy-dảm Pháp-sư. Xem như các ông thi-nhân nhà Đường có thơ tiễn lạng các Cụ, mà tôi dịch ra đây.

— Ông Thâm-thuyên-Kỳ yết Cụ Vô-ngại-thượng-nhân ở Cửu-chân thơ rằng :

« *Phật sinh ra cõi Tây-thiên,
Chia mình mà hóa sang miền Nhật-nam.* »

— Ông Dương-cự-Nguyên tiễn Cụ Phụng-định Pháp-sư về Annam rằng :

« *Quầy kinh từ-biệt cửa giới,
Hương hoa nhẹ bước ra khơi trở về.* »

— Ông Giả-Đảo tặng Cụ Duy-dảm-Pháp-sư rằng :

« *Giảng kinh trong điện nhà Vua,
Hoa quanh sập ngự hương đưa ngạt-ngào.* »

Đến đời Ngũ-dại thì có Cụ Lư-Hành ở Lĩnh-nam, tức là Tuệ-răng lục tổ, Cụ có câu rằng :

« Bồ đề nào phải cây gì,
Giương trong trong suốt, có chi là dài.
Đã không chút vật bản lai,
Bởi đâu mà có trần-ai bám vào. »

Xem thế mới biết rằng các vị cao-tăng ấy đã có danh-tiếng trong thời bấy giờ, chắc có nhiều đồ-đệ cũng giỏi, mà tin-đồ cũng đông. Các cụ chỉ tận-tâm hàn-hiếu, chứ chưa phải chấn-hưng.

20 *Thời-kỳ toàn-thịnh.* — Đời nhà Đinh, nước ta đã độc-lập, có cụ Ngô-chân-Lưu là vị cao-tăng, mà phụng-mệnh ra tiếp sứ Tàu, giữ địa-vị trọng-yếu như thế ; Cụ Lý-khánh-Chi, Cụ Lý-vạn-Hạnh cũng có danh-tiếng thời bấy giờ. Sang đời nhà Lý, nhà vua tôn-sùng, quốc-dân xu-hướng ; tháp chùa khắp cả dân-gian, đặt hội giảng kệ ở chùa Phật-tích huyện Tiên-du, tỉnh Bắc-ninh, nay còn di-tích. Cao-tăng thì có các Cụ Từ-đạo-Hạnh, Nguyễn-minh-Không đứng vào địa-vị quốc-sư, tới nay vẫn nghiên thu hượng-hòa. Sang đến đời Trần thì Phật-giáo càng thịnh lắm, quốc-vương đại-thần cũng đều Phật xuất-gia, mà từng làm thống-nhất. Xem như Trúc-lâm tam tổ, thì vua Trần-nhân-Tôn là đệ nhất tổ, Cụ Pháp-Loa là đệ nhị tổ, Cụ Huyền-Quang Trạng-nguyên là đệ tam tổ, lại có mở khóa thi tam-giáo, đem Phật-giáo cùng với Nho-giáo tịnh-hành, mà bổ-dụng nhân-tài, toàn dân-tộc là tín-đồ Phật-giáo hết thảy. Phật-học xương minh nhất là đời ấy, cũng là do quốc-vương đại-thần đã tận-tâm hộ-pháp, chi nổi phải chấn-hưng.

30 *Thời-kỳ trung-suy.* — Sang đến đời nhà Lê thì Phật-học đã có cơ vi-mang, ít thấy vị cao-tăng có tiếng. Từ đời Lê Trang-Tôn trở xuống, tin-đồ ngày một kém đi, đến ngày nay thì Bắc-kỳ ta sứt đến một phần tư, điều đó không nói thì các ngài cũng đã rõ. Ta thử xét từ đời Lê cho tới bản-triều, chỉ nghe thấy nói có cụ Hương-hải thiền-sư là xuất-gia mà khảo-cứu Phật-pháp, Cụ Thượng Nguyễn-dăng-Giai tại-gia mà tôn-sùng Phật-pháp, ngoài ra chả

có mấy ai, cửa đại-giác của thiên vạn ức triệu chúng-sinh, mà thành ra một cảnh thế-lương quỳnh-tịch. Từng-lâm chẳng có, tăng-thống cũng không, cũng là vì cái hoàn-cảnh, cái thời-thế sui nên vậy. Tự trung có một đôi cụ học-thức cao-siêu, mà cũng sinh lòng chán nản. Thời thì kệ kinh câu cũ thuộc lòng, hương đèn việc cũ trai-phòng quen tay ; thời thì tựa mình được chốn am mây, tuổi này gửi với cỏ cây cũng vừa. trong lúc lãng-di, dù muốn tinh-tiến cũng chẳng được. Bởi đó đạo-lý Phật-giáo ngày một mờ tối, phạm-giá chu-lặng ngày một kém đi, mà lòng tin-ngưỡng của người ta ngày một phai-nhạt, chùa nhà mà nữ đề không thiêng. Huống chi đời vật-chất đang xô-đẩy người ta, trách nào đối với đạo chân-chính cao-siêu mà chả đem lòng lãnh-đạm. Phật-giáo đang lúc suy-dồi như thế chính là lúc phải chấn-hưng.

b) *Nguyên do chân-hưng là vì sao?* — Phật-giáo suy thì nhân-tâm thế đạo cũng suy, mà phong-hóa cũng suy ; vì Phật-giáo có quan-hệ cho thế-đạo nhân-tâm, có giúp ích cho nhà giáo-dục và nhà chính-trị.

Nhà giáo-dục đem học thuyết đạo đức giầy đời, chỉ có thể giầy được những người có tu-chất tốt, có lòng hiếu học, có tính cần học mà thôi. chứ những kẻ hờn muội, lười-biếng hay là ngoan-ngân, giầy sao cho thấu. Phật-giáo thì không kể hạng người nào, cũng có thể thụ-giáo được ít nhiều. Hễ bước chân đến cửa từ-bi, nghe tiếng chuông cảnh tỉnh, hốt nhiên niệm khởi mà lòng thiện nảy ra, hình như có tia sáng Đuốc tuệ mở cho một đường khai-giác vậy.

Nhà chính-trị đem pháp-luật trị đời, chỉ có thể trừng phạt được những kẻ gian-ác, đã làm ra tội trạng, có chứng có rõ-ràng, chứ không có thể trừng phạt được những kẻ có lòng gian-ác mà chưa làm ra việc, hoặc có việc gian-ác mà không ai biết. Phật-giáo thì trừng-phạt một cách rất linh, theo lý-thuyết luân-hồi, đã có tòa-án vô-bình như vua Diêm-vương ở Âm-phủ, tướng-tượng ra nào địa-ngục, nào vạc-dầu, thì ai cũng phải dùng mình sờn gáy. Hình như có mắt tuệ vẫn soi-xét bên mình, điều nào thiện, điều nào ác đã biên-chép lấy, không sao dấu được. Cứ như cửa

miệng người ta vẫn nói, cãi cha mẹ phải tội, khinh người già phải tội, đánh trẻ con phải tội, ăn gian nói dối phải tội ; tội là sẽ chịu tội ở cửa Diêm-vương. Lại như những câu làm phúc mách bảo người ngu-dối, làm phúc cứu người hoạn-nạn, làm phúc bố-thí cho người nghèo, nghĩa là làm điều lành để cầu tam-bảo ban phúc cho. Lại có câu, đi với Phật mặc áo cà-sa, đi với ma mặc áo giấy. Cà-sa là biểu hiệu từ-bi, đến cửa Phật tự nhiên tiêu tục lự. Xem thế thì người trong xã-hội này có bao nhiêu người mà ta gọi là người tốt, có lẽ quá nửa là những người cầu phúc, người sợ tội, người mộ đạo từ-bi, cái ảnh-hưởng của tôn-giáo, có hiệu lực lắm thay. Cho nên trải bao nhiêu triều đại, Đinh, Lý, Trần, Lê cho tới bản triều, vốn lấy Nho-giáo làm quốc-giáo, mà Phật-giáo vẫn thịnh hành, triều-đình dùng Nho-học, dân-gian giảng Nho-học, mà làng nào cũng có chùa để tuần rằm tụng kinh niệm Phật. Có lẽ Phật-giáo với Nho-giáo tương vi biểu lý, tương-vi hô ứng, mà đem đạo-cứu đời. Nho-giáo phòng phạm nhân tâm ở nơi sự thực, Phật-giáo phòng phạm nhân tâm ở chỗ hư-vô. Trải mấy nghìn năm nay, trong gia-đình, ngoài xã-hội, nhờ đó mà nền phong-hóa vẫn được vững vàng, tuy Phật-giáo dần suy đã mấy trăm năm nay, nhưng Nho-giáo vẫn công hành, thì còn dựa lẫn nhau được.

Đến bây giờ vì phong hội đổi thay, nhà nước khôn, đặt khoa thi chữ Nho nữa, dân-gian không học chữ Nho nữa ; chữ Nho đã không biết, thì những câu cách-ngôn của thánh hiền giậy trong kinh truyện, rõ-ràng là ý ngọc nhời vàng, mà mờ mịt những mực đen giấy trắng ! Thương ôi ! Thánh-đạo trần vu, còn lấy gì mà phòng phạm nhân tâm, chắc vào đâu để duy trì nền phong-hóa . . . Chỉ dựa vào Phật-giáo, chắc vào lòng tin-ngưỡng mà thôi. Nhưng khổn vì Phật-giáo ngày nay cũng chẳng còn thế lực gì. Dương lúc lớp đời-ba đồ độn này, đạo đức đã kém, lòng tin-ngưỡng cũng suy. Tha hồ cho giặc tư dục tràn ra không thể ngăn cấm được. Tranh nhau quyền lợi, đua nhau sắc dục, lừa dối lẫn nhau, làm bại lẫn nhau, quá đến nỗi xóa hết cả cương thường, khinh bỏ hết cả lễ nghĩa. Đáng than thở lắm thay ! Những người có huyết-tính quan-

tâm đến thế-đạo, mà trông thấy những điều chướng mắt, nghe thấy những điều trái tai, ai là chẳng chau mày nghiêng rặng, lắc đầu lè lưỡi, có lẽ chịu bó tay đứng nhìn cho cái nhà phong-hóa đồ xuống hay sao. Phải khổ-tâm tìm lấy cách gì, may ra có thể duy-trì được chút nào chăng. Ngộ hữu duyên tác Phật-sự, việc chấn-hưng này tức là một cái nhân duyên.

Cụ Vi-Khanh Nguyễn tướng-công, nhân lúc thoái hưu, tháng ngày còn rỗi, đứng ra gánh lấy trách-nhiệm, chiêu tập mấy người đồng-chí, là những người cùng một ý-kiến, cùng một thương tâm, cùng sùm tay vào mà tổ chức lên hội. Đó là nguyên-do chấn-hưng.

c) *Chủ-nghĩa chấn hưng để làm gì?*

1. — Duy-trì phong-hóa ;
2. — Tuyên-dương nhân-đạo ;
3. — Tham-khảo khoa-học ;
4. — Dưỡng thành nghị-lực cho đồng-bào.

— Chấn-hưng Phật-giáo cốt để duy-trì phong-hóa.

Duy-trì phong-hóa tức là bảo-tồn Nho-giáo, vì Nho-giáo với Phật-giáo, đạo-lý đại lược giống nhau. Tâm-pháp của Nho-giáo tức là tâm ấn của Phật-giáo.

Nho-giáo nói: Xuất tính chí vị đạo. Phật-giáo nói: Kiến tánh thành Phật.

Nho-giáo có năm thường mà Phật-giáo cũng không sót :

Từ-bi bác-ái tức là nhân ;

Phương tiện tức là nghĩa ;

Luật nghi, ngũ giới tức là lễ ;

Trí-tuệ, chính-giác tức là tri ;

Tín vị đạo nguyên tức là tín.

Trong kinh Phật còn nhiều câu hợp với tinh thần Nho-giáo, đây xin nói đại lược mà thôi.

Kinh Phật giảng mình được, thì tinh thần Nho-giáo vẫn còn. Trước kia Phật-giáo dựa vào Nho-giáo để truyền bá, thì nay Nho-giáo lại dựa vào Phật-giáo để bảo tồn, cũng là một nhân quả. Nho-giáo mà bảo tồn được, thì lúc phong-hóa suy đồi này cũng có thể vẫn hồi được đôi chút.

— Chấn-hưng Phật-giáo cốt để tuyên dương nhân đạo.

Đời nay các nước văn-minh đều xướng minh nhân đạo, là nói loài người phải yêu quý bênh vực lẫn nhau, mà đức Phật Như-lai sớm dĩ xuất-gia chính vì nhân đạo. Phật thương chúng-sinh như con, coi nhân ngã như một, tấm lòng từ-bi bác-ái ấy, chẳng nói nhiều thì ai cũng biết là nhân đạo chi cực ! muốn trọng nhân đạo thì kinh Phật không thể nào không giảng minh.

— Chấn-hưng Phật-giáo cốt để tham khảo khoa-học.

Đời mới này đang trọng khoa-học, mà có lẽ kinh Phật phát minh ra khoa-học trước tiên.

Bây giờ ta mới biết suy xét khí hóa học, mà sách Phật đã nói đất nước lửa gió là bốn vật to nhất ở thế-giới.

Bây giờ ta mới biết trái đất là nhiều hạt nhỏ tụ lại thành ra, mà sách Phật đã nói vi trần thành thế-giới.

Bây giờ ta mới biết trái đất là hình tròn, mà sách Phật đã nói đất như quả úm-la-ma.

Bây giờ ta mới biết quả đất có năm đại châu, kể cả châu Úc là linh tinh hải đảo, mà sách Phật đã nói đất có bốn đại bộ châu.

Bây giờ ta mới biết ngoài thế-giới này còn nhiều thế-giới ma sách Phật đã nói tam thiên thế-giới, đại thiên thế-giới.

Bây giờ ta mới biết trong nước có nhiều vi trùng, mà sách Phật đã nói, Phật xem trong một thìa nước có mười vạn tám nghìn con vi trùng.

Phật sinh ra trước ta non ba nghìn năm, nào có phải đi quanh địa cầu, nào có phải dùng kính hiển vi, mà con mắt tuệ soi xét đến như thế.

Kinh nói rằng : tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức, đem lục thức mà quan sát lục trần thì vật lý nào mà không quán triệt. Hưởng chi Phật nhãn là một bậc thần thông ; có lẽ Phật-học là tị tử của khoa-học. Muốn biết uyên-nguyên của khoa-học thì phải giảng Phật-kinh.

— Chấn-hưng Phật-giáo cốt để dưỡng thành nghị lực cho đồng-bào. Vì đời người là một kiếp khổ, có nghị lực mới có thể sống ở đời mà làm việc đời. Tôi xin dẫn mấy câu trong Cung-oán thì biết đời người khổ thế nào. Thật đúng như lời Phật đã giảng.

« Một đời kẻ thiên ma bách triết ;
 Bình thì còn bụng chết đòi nau ;
 Thảo nào khi mới chôn rau,
 Đã mang tiếng khóc bưng đầu mà ra.
 Khóc vì nỗi thiết tha sự thế ;
 Ai bày trò bãi bề nương dáu ;
 Trắng răng đến thuở bạc đầu,
 Từ sinh kinh cụ làm nau mấy lần.
 Cuộc thành bại hồ cần mái tóc ;
 Lóp cùng thông như súc buồng gan ;
 Bệnh trần nhiều nỗi gian nan,
 Lửa cơ đốt ruột, dao hàn cắt da.
 Gót danh lợi bùn pha sắc sảm ;
 Mặt phong trần nắng râm mùi náu ;
 Nghĩ cơn trần thế mà đau,
 Bọt trong bể khổ bèo đầu bến mê. »

Đói khổ, rét khổ, đau ốm khổ, hoạn nạn khổ, lo nghĩ khổ, buồn rầu khổ, cầu không được mà thất vọng khổ.

Chỉ vì lẽ đó mà người ta sinh ra chán đời, chán đời vì không chịu nổi cái khổ, không có nghị lực làm tiêu diệt cái khổ, thành ra từng xảy có những tai nạn khinh sinh, chính vì lỗi không biết tụng kinh Phật. Thương thay ! Phật-học đã giầy ta phải có nhẫn nhục độ, tự mình chịu khổ-hạnh, luyện tính nhẫn nại quen đi, không thấy khổ nữa, thì tự nhiên thấy sung sướng nhẹ nhàng, mà lúc nào cũng hoan hỉ, hình như sống trong thế-giới cực lạc vậy. Bỏ nghị-lực ấy mà làm ra bao nhiêu sự nghiệp lớn lao.

Bốn điều tôi đã nói là chủ-nghĩa chấn-hưng đó.

d) Công-việc chấn-hưng phải thế nào ? — Công việc chấn-hưng phải theo tôn chỉ mà tiến hành. Có người lại cho bọn chúng ta rủ nhau đi tu, có người nói chúng ta giết người ta vào đường mê tín, nói thế là nhảm ! cứ như lẽ tôi đã nói ở trên, vì gia-đình, vì xã-hội, vì nhân-loại mà hăng-hai làm việc. Về bên chân-đế, xin nhường chừ tăng tri giới giảng kinh, mà bên thế-đế, chúng ta chỉ cần giữ sao cho vững lòng tin ngưỡng thì công việc chấn-hưng phải tỏ chức cho được hoàn toàn.

Tôi hãy xin nói công việc mà hội chúng ta đã làm, đều có ý nghĩa.

Sở dĩ lấy chùa Quán-sứ này làm hội quán, vì ngôi chùa này là ngôi chùa cổ có tiếng trong lịch-sử, mà ở giữa nơi thủ phủ Bắc-kỳ. Trong chốn phồn hoa mà riêng phần tĩnh mịch, thực tiện cho thiện tín hành hương.

Sở dĩ đặt ban diển giảng, cốt để giảng minh đạo-lý cho người nghe, biên dịch kinh sách cho người xem, thì đạo mới quang minh, không đến nỗi mờ tối.

Sở dĩ đặt ban hộ-niệm, cốt để tỏ cảm tình với người bệnh tử mà rõ nghĩa từ-bi.

Sở dĩ làm ra huy hiệu tòa sen, phòng khi xa lạ gặp nhau, biết là người cùng đạo, mà tỏ tình liên-lạc.

Sở dĩ đặt ra báo Đuốc-Tuệ, cốt để làm cơ quan cho hội, mà soi đường chính-giác cho người theo.

Sở dĩ suy-tôn cụ Thuyền-gia Pháp-chủ, là để cho pháp-tôn quy nhất, mà chính danh chư tăng.

Sở dĩ đi khánh-thành các chi-hội, là tỏ lòng hoan hỉ với chúng giác ở mọi nơi.

Những công việc đã làm rồi ấy, đã đủ trách nhiệm chúng ta chưa. Tôi không dám nói là đủ. Chúng ta còn phải làm thế nào ?

Cổ động cho linh ;

Truyền bá cho rộng ;

Thi hành cho không chướng ngại.

Đề cho nhân tâm thường được cố kết, mà hội đứng vững lâu dài. Anh em giáo-hữu ta ơi !

Đường đất còn gài, gánh vác còn nặng, mà người làm việc có lẽ bấy còn hiếm hoi.

Ngừa mong tam-bảo chứng minh, mở tuệ-chất cho chúng ta, thêm nghị-lực cho chúng ta, đề cố sức tiến hành cho tới mục-dịch.

Nam-mô A-di-đà Phật

Phật giáo nước nhà

Tăng đạo nhà Đinh đã có rồi,
Hai nghìn năm lễ đạo Như-lai.
Hào-quang nghìn mắt người tiên gái,
Chùa cảnh trăm gian cụ Thượng Giỏi,
Thành Phật nước danh ba vị Tổ,
Giải thí còn truyền một non Sài.
Còn tôn giáo đó còn tin tưởng,
Chẳng cướp tranh ai, chẳng dỗ ai.

Cử-nhân PHẠM-SĨ-VỸ

Thích nghĩa chữ A-di-đà

Chữ A chính nghĩa ấy là không,
Còn chữ Di đà nghĩa dấu đong.
Vô lượng quang-minh, vô lượng thọ,
Riêng miền cực-lạc rất thông-dong.
Riêng miền cực-lạc rất thông-dong,
Ai niệm mười lần danh-hiệu ông ;
Đi đất cùng sang cho đến cõi,
Giời tây bát ngát cảnh sen hồng.

Thích nghĩa chữ Bồ-đề-tát-đóa

Bồ-đề là giác ngộ,
Tát-đóa là hữu tình,
Giấy cho ngu hóa sáng ;
Giấy cho ác ra lành,
Mở mang đường chini giác,
Hết thấy loài chúng-sinh.
Nát-bàn thường xuất nhập ;
Phật-đạo ráp viên thành.
Tự giác và giác tha,
Vừa tu lại vừa hành.
Không như A-la-Hán,
Còn chỉ tu lấy mình.

Phượng-sơn NGUYỄN-THIÊN-CHÍNH

Nhân-quả tiều-thuyết

因果小說

(Tiếp theo)

12^o -- Người Lão-nho ở đất Lâm-bình tên là Trung-tuấn-Hữu thuật chuyện : có một người bạn rất thân là người họ Triệu, nhà cũng giàu có, vừa bốn mươi tuổi. Một hôm cùng với vài người bạn thân ngồi uống rượu ở ngoài vườn. Triệu đương lúc rượu say, trèo lên núi chơi, lỡ chân ngã xuống, được một lúc thì chết. Buổi chiều hôm ấy, vợ nhà họ Tiền ở làng bên cạnh sinh được một đứa con gái, lúc mới sinh ra không biết khóc, giần giần lớn lên cũng không biết nói, như là người câm vậy. Đến năm lên chín tuổi, người cha đi thi xong về nhà để quyền giáp bài ở trên cái bàn rồi đi chơi với bạn. Lúc trở về thấy quyền giáp có phê bình coi như giấu bút của người lão-sur tức-nho, lấy làm ngạc nhiên, hỏi khắp người nhà thì đều nói không có ai đến cả. Nhân hỏi bốn đứa con rằng : hay là mày chắm đấy chẳng ? Bấy giờ đứa bé con vừa cười vừa nói rằng : Vâng, tôi chắm đấy. Người cha mừng rỡ quá, mới hỏi con rằng : Từ trước đến nay có sao không nói ? Con đáp : Tôi chính là Triệu-mỗ ở Lâm-bình, nhân khi uống rượu say, vấp ngã bị chết, không ngờ dưới Minh-phủ lại cho vào đầu thai ở đây, lúc mới đẻ ra, thân-thể bé nhỏ, chân tay mềm yếu, trong bụng vẫn biết mà miệng không nói được, giần giần lớn lên, nhân tự hỏi khi ngã chết, vả lại thương nhớ vợ con, nói ra sợ sinh quái gở cho nên cứ lặng im đi làm vậy. Người cha mừng được người con có tính thông-minh, giầy bảo cho học tập, đến năm mười sáu tuổi đi thi đỗ, bấy giờ vợ con kiếp trước vẫn còn cả. Người con họ Tiền muốn đi xem cái nhân-duyên kiếp trước, mới chở thuyền đến hỏi tận nhà. Khi đến, người con họ Triệu ra đón, thành ra một ông chủ với một người khách. Người họ Tiền trông thấy người con họ Triệu đương soạn giấy má bề bộn, liền nói : Những giấy-má gì mà bề bộn thế ? Người con họ Triệu đáp : Tôi đương tìm cái văn tự của cha tôi khi trước cho người ta vay vì đã lâu

ngày không biết cha tôi để vào đâu, mà tôi tìm vẫn chưa thấy. Người họ Tiền than một câu rằng: Thử tìm ở trong tờ giấy số mấy ở trong quyển sách ấy xem có thấy không? Người con họ Triệu nghe lời quả-nhiên tìm thấy vẫn tự thật, lấy làm lạ-lùng và có ý sợ-hãi, bấy giờ họ Tiền cũng không nói gì mà cáo từ đi ngay. Khi giờ ra về lại gặp ông Trung-tấn-Hữu ở giữa đường, liền chào hỏi như là quen biết đã lâu, lại mời Tuấn-Hữu về chơi nhà họ Tiền rồi nói chuyện cả cái nhân-quả hai đời thật là lạ quá.

130— Chuyện người họ Cao đầu thai vào làm con nhà họ Hùng.

Khoảng năm Thuận-trị, ông Cao-dăng-Vận làm quan lệnh huyện Gia-hương, nói chuyện với các quan đồng-thành và các lại thuộc rằng: Việc nhân-quả ở thế-gian, đừng bảo là báo-huyền không có, như quan Hùng-đạo-Đài tức Hùng-Cao đời nay chính là người chủ-họ họ Cao ta đời trước.

Nguyên nhà họ Hùng với nhà họ Cao ta cùng ở một làng. Đời ấy đời khác, hai họ vẫn có tình thông-gia. Khi trước người chủ họ Cao ta là người có đức hạnh, có tài thông-minh, học rất giỏi nhưng thi không đỗ, tuổi đến tám mươi mà chí-khí rất mạnh mẽ. Một hôm ở trong nhà một mình, rồi nằm trên ghế mà chết. Thấy có hai người đội mũ nhỏ, mặc áo xanh đi quanh trước sau, bước lên thềm không nói gì cả, và bước ngay ra ngoài cửa. Người chủ họ Cao ta vừa sợ vừa hỏi rằng: Bắt tôi đi đâu? Hai người ấy đáp: « Vua sai bắt đưa đi đầu thai làm danh-nhân. Sau thấy đưa đến một nhà, nhìn ra là nhà họ Hùng, tức là nhà họ ngoại. Khi ấy nhà họ Hùng chưa có con gái. Nhân lúc người vợ lẽ họ Hùng sắp sinh, những người trong họ đến chơi đề mừng, hai người ấy đưa hờn vào tận nhà trong, thấy một người đàn bà sắp đẻ, hai người ấy lấy tay đẩy một cái ngã vào trong cái bồn thì người vợ lẽ họ Hùng đẻ con gái. Cả nhà đều mừng rỡ. Đến khi lên 7 tuổi vẫn không biết nói. Người cha muốn đón thầy đề dạy học, nhưng hiềm một nỗi là câm. Một hôm người con ấy theo anh em đến chơi nhà họ Cao (là nhà đời trước) gặp người con rể đời

trước đứng ở cửa. Người con họ Hùng kéo vật áo mà trách rằng: Mọi cách 6, 7 năm nay mà anh đã quên ta à, sao trông thấy bố vợ mà không chào? Rồi đem chuyện kiếp trước là người chú họ Cao tự khi nằm ở ghế mà chết đi, bảy giờ đầu thai làm con nhà họ Hùng, kể cả cho mọi người đều nghe. Ai ai cũng lấy làm sợ và mới biết người con họ Hùng ấy tức là người Lão-nho họ Cao đời trước. Từ bảy giờ trở về sau mới nói được mà học sách nào cũng chỉ học qua một lượt là thuộc, miệng đọc được cả. Đến năm 18 tuổi đi thi Hương đã đỗ; năm 19 tuổi đi thi Đình lại đỗ luôn. Sau làm quan Giám-lý (監理), vì vậy đặt tên tự là Hùng-Cao (tức là Hùng-đạo-Đài).

140 — Chuyện người họ Hứa đầu thai vào nhà họ Đái làm danh-nhân.

Ông Thâm-thiệu-Liên tiên-sinh thuật rằng: Ở Sơn-côn có người họ Hứa, nhà nghèo, làm nghề cấy ruộng, tính nết siêng-năng cần-thận. Khi bảy giờ ở sườn núi xứ ấy có cái lạch nước chảy, thường đầy, người đi qua lại lỡ chân thường bị chết. Hứa mới lấy cái bừa cũ bắc qua lên trên đê cho người ta đi lại. Được mấy năm Hứa chết. Hồn Hứa đi đến một nơi là nơi cung-khuyết nhà vua, ông vua bảo rằng: Mây ở trên dung-thế, có bắc một cái cầu 9 răng, công-đức cũng khá to, nên cho mây được hưởng cái quả-báo tốt. Vua mới sai người Minh-lại đưa đi cho đầu thai làm danh-nhân. Người Lại đưa đến nhà họ Đái ở Long-phủ là một nhà quan to. Hồn đương sợ hãi bàng-hoàng, bỗng nghe tiếng người nói rằng: « Con giai », hồn mới mở mắt ra trông thì mình đã nằm trong cái vải bọc dề ở trên giường rồi. Trong bụng cũng biết mà miệng không sao nói được. Sau lớn lên cứ thường hỏi thăm nhà họ Hứa ở Sơn-côn thì ai cũng bảo rằng: xa làng không biết. Đến năm 16 tuổi, trong lòng bàng khuâng lấy làm nhớ quá, mới sắm sửa thuyền xe và đem mấy người đầy tớ đi tắt đến Sơn-côn. Khi đến làng gặp những người trong họ còn biết cả và còn gọi được cả tên. Bảy giờ mới hỏi thăm mồ mà Hứa ở đầu và nói chuyện cả cái nhân-quả đời trước cùng đời này. Người trong họ mới đưa ra xem mồ và nói chuyện rằng: nguyên khi Hứa

ngày không biết cha tôi để vào đâu, mà tôi tìm vẫn chưa thấy. Người họ Tiền than một câu rằng: Thử tìm ở trong tờ giấy số mấy ở trong quyển sách ấy xem có thấy không? Người con họ Triệu nghe lời quả-nhiên tìm thấy vẫn tự thật, lấy làm lạ-lùng và có ý sợ-bãi, bấy giờ họ Tiền cũng không nói gì mà cáo từ đi ngay. Khi giờ ra về lại gặp ông Trung-tuấn-Hữu ở giữa đường, liền chào hỏi như là quen biết đã lâu, lại mời Tuấn-Hữu về chơi nhà họ Tiền rồi nói chuyện cả cái nhân-quả hai đời thật là lạ quá.

130— Chuyện người họ Cao đầu thai vào làm con nhà họ Hùng.

Khoảng năm Thuận-trị, ông Cao-dăng-Vận làm quan lệnh huyện Gia-hương, nói chuyện với các quan đồng-thành và các lại thuộc rằng: Việc nhân-quả ở thế-gian, đừng bảo là báo-huyền không có, như quan Hùng-đạo-Đài tức Hùng-Cao đời nay chính là người chủ-hộ họ Cao ta đời trước.

Nguyên nhà họ Hùng với nhà họ Cao ta cùng ở một làng. Đời ấy đời khác, hai họ vẫn có tình thông-gia. Khi trước người chủ họ Cao ta là người có đức hạnh, có tài thông-minh, học rất giỏi nhưng thi không đỗ, tuổi đến tám mươi mà chí-khí rất mạnh mẽ. Một hôm ở trong nhà một mình, rồi nằm trên ghế mà chết. Thấy có hai người đội mũ nhỏ, mặc áo xanh đi quanh trước sau, bước lên thềm không nói gì cả, và bước ngay ra ngoài cửa. Người chủ họ Cao ta vừa sợ vừa hỏi rằng: Bắt tôi đi đâu? Hai người ấy đáp: « Vua sai bắt đưa đi đầu thai làm danh-nhân. Sau thấy đưa đến một nhà, nhìn ra là nhà họ Hùng, tức là nhà họ ngoại. Khi ấy nhà họ Hùng chưa có con gái. Nhân lúc người vợ lẽ họ Hùng sắp sinh, những người trong họ đến chơi đề đọ mừng, hai người ấy đưa hồn vào tận nhà trong, thấy một người đàn bà sắp đẻ, hai người ấy lấy tay đẩy một cái ngã vào trong cái bồn thì người vợ lẽ họ Hùng đẻ đứa con gái. Cả nhà đều mừng rỡ. Đến khi lên 7 tuổi vẫn không biết nói. Người cha muốn đón thầy để dạy học, nhưng hiềm một nỗi là cấm. Một hôm người con ấy theo anh em đến chơi nhà họ Cao (là nhà đời trước) gặp người con rể đời

trước đứng ở cửa. Người con họ Hùng kéo vật áo mà trách rằng : Mới cách 6, 7 năm nay mà anh đã quên ta à, sao trông thấy bố vợ mà không chào ? Rồi đem chuyện kiếp trước là người chủ họ Cao tự khi nằm ở ghế mà chết đi, bảy giờ đầu thai làm con nhà họ Hùng, kể cả cho mọi người đều nghe. Ai ai cũng lấy làm sợ và mới biết người con họ Hùng ấy tức là người Lão-nho họ Cao đời trước. Từ bảy giờ trở về sau mới nói được mà học sách nào cũng chỉ học qua một lượt là thuộc, miệng đọc được cả. Đến năm 18 tuổi đi thi Hương đã đỗ; năm 19 tuổi đi thi Đình lại đỗ luôn. Sau làm quan Giám-lý (監理), vì vậy đặt tên tự là Hùng-Cao (tức là Hùng-đạo-Đài).

140 — Chuyện người họ Hứa đầu thai vào nhà họ Đái làm danh-nhân.

Ông Thâm-thiệu-Liên tiên-sinh thuật rằng : Ở Sơn-côn có người họ Hứa, nhà nghèo, làm nghề cấy ruộng, tính nết siêng-năng cần-thận. Khi bấy giờ ở sườn núi xứ ấy có cái lạch nước chảy, thường đầy, người đi qua lại lỡ chân thường bị chết. Hứa mới lấy cái bừa cũ bắc qua lên trên đê cho người ta đi lại. Được mấy năm Hứa chết. Hồn Hứa đi đến một nơi là nơi cung-khuyết nhà vua, ông vua bảo rằng : Mày ở trên dương-thế, có bắc một cái cầu 9 răng, công-đức cũng khá to, nên cho mày được hưởng cái quả-báo tốt. Vua mới sai người Minh-lại đưa đi cho đầu thai làm danh-nhân. Người Lại đưa đến nhà họ Đái ở Long-phủ là một nhà quan to. Hồn dương sợ hãi bàng-hoàng, bỗng nghe tiếng người nói rằng : « Con giai », hồn mới mở mắt ra trông thì mình đã nằm trong cái vải bọc dề ở trên giường rồi. Trong bụng cũng biết mà miệng không sao nói được. Sau lớn lên cứ thường hỏi thăm nhà họ Hứa ở Sơn-côn thì ai cũng bảo rằng : xa làng không biết. Đến năm 16 tuổi, trong lòng bàng khuâng lấy làm nhớ quá, mới sắm sửa thuyền xe và đem mấy người đầy tớ đi tắt đến Sơn-côn. Khi đến làng gặp những người trong họ còn biết cả và còn gọi được cả tên. Bấy giờ mới hỏi thăm mồ mà Hứa ở đầu và nói chuyện cả cái nhân-quả đời trước cùng đời này. Người trong họ mới đưa ra xem mồ và nói chuyện rằng : nguyên khi Hứa

chết, nhà nghèo không có gì để chôn, nhà láng giềng cho một cái áo quan đem ra ngoài đồng vùi xuống, rồi lấy cỏ lấp lên trên. Người con họ Đái thấy thế lấy làm xót thương lắm, mới thuê tiền để đắp phần mộ lại và cho tiền tậu ruộng, rồi giao cho người họ Hứa cày cấy để cúng giỗ cùng tể. Xong rồi lại về nhà họ Đái. Saa thì đỗ làm quan, giàu có sang trọng hưởng phúc vô cùng.

(Từ truyện thứ bảy đến thứ 14 là trích ở sách Phật-học sơ-giai).

Nước nam ta thì như :

150— Vua Lý Thần-tôn là hậu thân ông Từ-đạo-Hạnh, ông tu hành tại núi Phật-tích (Bắc-ninh) đã đắc đạo, một hôm hóa hổ để nạt ông Thiên-sur Nguyễn-minh-Không (tức là ông Không-Lộ) ông Minh-Không bảo muốn làm hổ thì kiếp sau sẽ hóa hổ, khi đã đầu thai làm vua Thần-Tôn, gọi là Thái-tử Dương-Hoán, quả nhiên hóa hổ. Nhân nghe câu đồng-giao : « *Tập tâm bóng, có ông Nguyễn-minh-Không chừa được Hoàng-thái-tử* » (câu này do ông Minh-Không đặt ra) Sứ-giá đến tìm ông vào triều, ông nấu cái vạc giàu, ném Hoàng-tử vào rồi vớt ra là bệnh khỏi.

160 — Ông Nguyễn-Trãi, làng Nhị Khê (Hà-dông) sai người nhà gợn vườn, mộng thấy con rắn trắng lại nói xin cho mẹ con gợn đi nơi khác đã rồi sẽ gợn vườn, ông chột tỉnh giậy thì người nhà đã gợn vườn xong rồi mà con rắn trắng cũng đã bị chém chết.

Sau người nàng hầu ông là Nguyễn-thị-Lộ, hầu hạ vua Lê, ám sát vua mà ông phải tội chu ri, là con rắn ấy hóa kiếp để báo thù ông vậy.

170 — Ông Trạng-nguyên, Mạc-đĩnh-Chi mộng xuống Minh-phủ thấy bằng yết cha mẹ phải giam trong địa-ngục, ông thương xót và hỏi cách thức người Ngục-lại, người ấy bảo ông về dương-gian làm chùa và tháp chín tầng, cầu chín rập, để tạo phúc cho cha mẹ thì mới có cơ thoát khỏi tội.

Ông làm chùa Giâu (làng Khương-tự tỉnh Bắc-ninh) và cầu, tháp như nhời đã dặn (nay còn di tích). Sau ông lại

mộng xuống Minh-phủ thì cha, mẹ đã được ân-xá rồi, và ông sang sứ Tàu được phong «*Lưỡng-quốc Trạng-nguyên*» (兩國狀元) nghĩa là Trạng-nguyên hai nước.

Lại còn chuyện không biết rõ họ tên như :

180— Một nhà kia buôn gian bán lận, trong căn cân có đồ thủy-ngân để mua rẻ bán đắt. Người ấy sinh được hai đứa con giai rất tuấn-tú.

Vợ chồng tuổi đã già, tự nghĩ: nay đã giàu có, để piúc cho con hơn đề của, bèn hủy cái cân cân ấy đi mà dùng cái cân cân khác.

Không bao lâu hai con đều nửa đời yếu-chiết, hai vợ chồng thương xót vô cùng, nghĩ đòi con lại sứt sùi đòi con, mà không hiểu ra làm sao? Sao trước làm ác thì lại được phúc, mà nay làm lành thì lại phải vạ, con tạo chêu người phũ phàng chi vậy? Bảo giới có mắt, lại hóa ra không!

Một hôm thần báo mộng: hai đứa con chết đi do đó đều là do phá gia, giới sai xuống báo ác. Nay vì vợ chồng nhà người đã xấm hối cho nên tai tiêu phúc lại, hai thằng quỷ sứ ấy kéo đi mà mai sau sẽ sinh 2 con hiền khác, sinh cơ lập nghiệp, nối rỗi tông đường, đừng có hồ-nghi phiền-nã nữa.

Vợ chồng cùng mộng như nhau và quả nhiên sau lại sinh hai đứa con giai khác, hiếu thảo và làm ăn nối nghiệp.

190— Một ông quan khi vợ sắp sinh, mộng thấy một người lại đòi hai vạn quan tiền, sực tỉnh dậy thì vợ sinh con giai, biết là kẻ lại đòi nợ. Bên sếp hai vạn quan tiền riêng vào một hôm để chi thuốc thang cơm áo cho con, vừa hết số tiền ấy thì đứa bé chỉ sót một con mà tận số.

(Còn nữa)



PHẬT-HỌC TỪ-ĐIỂN TẬP-YÊU

佛學辭典輯要

Báo ân sảo phương-tiện 報恩巧方便. — Một cách trong sáu cách phương-tiện, nghĩa là bố thí cho chúng sinh bằng sự ân đức, khi chúng sinh nghĩ báo đền lại thì khuyên cho chúng sinh hành đạo.

Báo-thông 報通. — Một phép thần-thông trong năm phép thần-thông do quả báo mà được, tức là thần-thông của quỷ-thần

Báo-trướng 報障. — Sự quả báo bởi tội lỗi, nghiệp trướng mà ra.

Báo duyên 報緣. — Nhân-duyên của sự quả báo.

Báo ứng 報應. — Có thí tất có báo, có cảm tất có ứng. Phạm họa phúc sở đắc ở đời này đều là báo ứng cả. Lại Phật có ba thân là *báo-thân ứng-thân* và *hóa-thân*.

Báo tái 報賽. — Lấy của lễ mà báo ơn.

Bão

Bão-dờ-hám 抱徒慙 (Bouddha). — Kẻ thờ Phật, khác với Phật-đà là đấng đại-giác. Vì tiếng Phạm cùng một âm mà hai nghĩa nên Hán-văn phải dịch khác đi cho dễ phân biệt.

Bão-bạt-ca 抱跋迦. — Tiếng Phạm nghĩa là thực-ấp (ấp ăn lộc), là tôn-hiệu của bậc có đại-đức. Sách Duy-thức thuật ký: *Có một bậc đại-danh cư-sĩ, đức cao trí cả, tiếng tăm lừng lẫy xa gần, người đời tôn gọi là « bão-bạt-ca ».* « Bão-bạt-ca » tức là thực ấp, nghĩa là đáng thụ ấp phong hầu.

Bão Phật-cước 抱佛脚. — Ôm gối Phật. Tục của một phiên-quốc về mé nam tỉnh Vân-nam, rất sùng đạo Phật. Kẻ phạm tội bị bắt ngất liền chạy vào chùa, ôm gối Phật mà ăn-năn tội thì được tha ngay. Vì thế ở đó có câu tục-ngạn rằng: « *Nhàn thời bất thiếu hương*

閑時不燒香, cấp lai bāo Phật cước 急來抱佛脚》。
Câu ấy lưu truyền vào Trung-quốc. Ngạn ngữ ta có
câu : « Hữu bệnh bái từ phương, vô bệnh đồng hương
không mất ». Cũng ý ấy.

Bão

Bão tòng lâm 飽叢林. — Bậc tôn-túc 尊宿 trong Thiền-lâm.

Bàng

Bàng-sinh 傍生. — Trước dịch là súc sinh, nay đổi là bàng sinh mới đúng. Bàng sinh nghĩa là loài sinh-vật đi ngang. Tiếng Phạm là « Tiryagyonī », dịch âm là đê-lị-gia-cồ-du-nê-gia 帝利耶瞿捺泥耶, hay là cát-lị-được-trụ-ni.

Bàng-sinh thú 傍生趣. — Một thú trong năm cõi sinh-thú.

Bạt

Bạt 跋 (Pa 波). — Một chữ trong 50 chữ cái tiếng Phạm. Phật giáo cho rằng nghe tiếng « Ba » thì tức thời hiểu hết các phép, thấu tới chỗ đệ nhất nghĩa đế. Đệ nhị nghĩa đế, tiếng Phạm là « Ba-la-mật-đa (Paramartha) ».

Bạt-triết-la 跋折羅 (Vajrai). — Có chỗ dịch âm là Phiệt-triết-la 筏折羅, hay là bạt-triết-la 拔折羅, nghĩa là kim-cương, xem tiếng Phọc-viết-la 縛曰羅.

Bạt-li-ha-la 跋利訶羅. — Tên loài giạ-soa.

Bạt-li-sa-kiện-nã 跋利沙健拏 (Varsagana). — Tên một phái ngoại đạo ở Ấn-độ. Bạt-lị-sa nghĩa là « vũ, 雨 mưa » kiện-nã nghĩa là đồ-chúng.

Bạt-ti-phất-đa-la 跋私弗多羅 (Vatsi-putra). — Tên một giáo-phái, nghĩa là « độc-tử 犢子 bò con ». Vatsi-putriyah tức là độc-tử-bộ 犢子部 hay là Khả-trụ-bộ 可住部, có chỗ dịch âm là « Bà-tô-phu-la 婆蘇富羅部 », hay là « Bà-sai-phủ-đa-la 婆娑踰富多羅部 ».

Kính họa bài thơ của cụ Sở

慧炬光輝照有情	四生靈劫如長夜	迷津寶筏度羣生	苦海慈帆超彼岸	中北提攜道共明	江山隔阻心無間	壯遊衣鉢過春城	懷抱胸中嶠典經
---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------

TRẦN-VĂN-HANH Hồng-lô tự-khanh
thường-thụ Bắc-dầu Bội-tĩnh

Thái-bình

Khánh-thành chùa làng Thái-phú

Dân làng Thái-phú, tổng Thái-phú, huyện Vũ-liên cùng sự cụ đang phấn-khởi về đạo Phật mới chấn-hưng, đã sửa xong ngôi chùa trông rất nguy-nga để có nơi thờ Phật được tôn-nghiêm.

Ngày 22 tháng ba ta (13-4-36) hồi 10 giờ sáng có cụ lớn Hiệp-tá Đại-học-sĩ, Chánh-hội-trưởng hội Phật-giáo Bắc-kỳ cùng cụ Bảng Nông-sơn Nguyễn-can-Mộng về chủ tọa lễ khánh-thành, cụ Bảng có diễn-thuyết cho dân nghe, cực là khả thiết, nghe ra cảm động lắm.

Nhân lễ khánh-thành, dân có mở nhiều cuộc vui, đề nghinh-tiếp các quan, tổ ra một cách rất hoan-hỷ.

Chi-hội Phật-giáo Trục-ninh thành lập

Hôm 24 tháng ba ta tức là 15 Avril 1936, chi hội Phật-giáo huyện Trục-ninh (Nam-định) đã làm lễ thành lập rất long-trọng.

Hội-quán đặt ở chùa Cồ-lễ. Chùa đó vốn là một nơi danh-lam thắng-tích, đức Thánh-tổ Nguyễn-minh-Không đời xưa còn để nhiều dấu vết thiêng-liêng tại đó ; gần đây

có một vị danh-tăng đứng lên tu tạo lại cảnh chùa cực kỳ nguy-nga tráng-lệ ; hằng năm thiện-tín thập phương tới hành hương vẫn cảnh rất đông. Nay chi-hội Phật-giáo Trục-ninh lấy đó làm hội-quán thực là đích đáng.

Từ mấy hôm trước, các nhân-viên trong chi-hội cùng với sư ông chùa Cồ-lê đã hết sức sửa sang sắp đặt, làm cổng chào, cất nhà giảng, trần-thiết ra một nơi có đại hội.

Hôm ấy, suốt từ 6 giờ sáng, những nhân-dân các nơi tới chùa xem lễ tấp nập kể đi người lại không ngớt. Chín giờ có đám rước đi rước kinh, cờ kiệu la liệt, chiêng chống đập đình, người kéo đi xem đông như nước chảy.

Đúng 12 giờ, cụ Hiệp-tá Nguyễn-năng Quốc chánh hội-trưởng hội Phật-giáo cùng với quan bố Nguyễn-trọng-Khôi, quan kiểm-học Nguyễn-can-Mộng, ông tù Đông-phố, ông cử Dương-bá-Trạc đi ô-tô về đến chùa hội-quán, lại có cả cụ thượng Phan-dinh-Hòe là chánh đại-biểu, ông Trần-trung-Chương là chánh thủ-quĩ ở chi-hội Nam-định, ông Phan Yên là chánh đại-biểu, ông cử Hán là phó đại-biểu ở chi-hội Bắc-ninh, quan huyện Nam-trực Nguyễn-Giang, quan huyện Yên-phong Phạm-dồng-Mỹ cùng về dự lễ. Quan khách đã yên vị, các ông trị-sự chi-hội đây là ông Lê-văn-Nghi, chánh đại-biểu, ông Ngô-bá-Sơ, phó đại-biểu, ông Dương-văn-Thiếp, quản-lý, ông Dương-văn-Tại, giám sát, ông Nguyễn-xuân-Bách, thư-ký, ông Mai-duy-Khương, thủ-quĩ, và chánh đại-biểu bên tăng, Nguyễn-đức-Nghiêm, duy-na chùa hội-quán, Phạm-thanh-Long lần lượt ra trình diện với cụ chánh hội-trưởng. Ông chánh đại-biểu chi-hội đọc một bài chúc-từ khai-mạc ; kể đến một vị sư đọc một bài tán dương công đức Phật ; quan kiểm-học Nguyễn-can-Mộng đứng lên ứng khẩu diển thuyết cái tôn-chỉ hội Phật-giáo, lời lẽ hùng hồn, thánh giả đều cảm động.

Các nhà hảo tâm cúng tiền làm nhà hội-quán

Trung-ương

— Ông Đoàn-văn-Nhân, cai Lục-lộ, ở số nhà 121, phố Bóp-kèn, tỉnh Hà-dông cúng (4 \$ 00) bốn đồng.

— Ông Nguyễn-đắc-Tùy, Surveillant Travaux Publics Hà-dông, cúng (2 \$ 00) hai đồng.

HỢP THU'

— Xin các vị Đại-lý đã thu giúp tiền độc giả mua báo Đuốc-tuệ được ít nhiều thế nào thì làm relevé gửi tiền về trả cho.

— Cùng Hoà-thượng chùa Gia-hưng Bến-tre, đã nhận được măng-đa của ngài và đã gửi báo hữu 2 vị độc-giả mà ngài giới thiệu cho.

— Cảm ơn ông Thiện-Bảo Haiphong đã thầu tiền giúp cho bản báo chiếc măng-đa 10 \$ 20 của ông đã nhận được.

— Cảm ơn ông Thủ-quý chi hội Phật-giáo Mỹ-hào Hưng-yên đã gửi trả tiền báo bằng măng-đa 6 \$ 50.

— Nhờ ông Thư-ký chi hội Phật-giáo Haiphong tra giùm chỗ ở mới của bà Đặng-thị-Liên là một vị hội-viên trước ở số 159 bis đường Bonnard Haiphong có mua báo từ số đầu mà bây giờ đổi chỗ ở không cho biết, thành ra người đưa báo đưa đến chỗ ở cũ không có người nhận lại gửi trả lại.

— Đã nhận được măng-đa 3 \$ trả tiền báo của ba ông: Lê-văn-Tồn, receveur des postes à Trà-cư (Trà-vinh); Dương-văn-Gồng, conseiller provincial à Phước-hưng (Trà-cư); La-Bình, commerçant à Trà-cư Ngãi-sơn. Xin cảm ơn ba ông.

TIN CÁC HỘI-VIÊN QUÁ CỠ

Những vị Hội-viên quá cỡ ghi tên sau này. Bản hội đã đến phòng viếng và ban Hộ-niệm của Hội đã cử-hành lễ tiếp dẫn tây qui khi lống-chung, lại đã đều đặt các linh vị để thờ tại chùa Hội-quán, và lần lượt đến tuần « Từ cửu » của vị nào thì làm lễ cầu Phật siêu độ cho vị ấy, để giả nghĩa đồng-đạo với nhau.

— Bà Trâm-ngọc-Bích ở số nhà 53 Hộ tây tỉnh Sơn-tây viên tịch ngày 21 - 1 - 1936.

— Ông Nguyễn-quang-Tạc ở Hộ bắc tỉnh Sơn-tây viên tịch ngày 18 - 1 - 1936.

— Cụ Hồng-chí-Tiền ở số nhà 45 phố Hậu-lĩnh, tỉnh Sơn-tây viên tịch ngày 15 - 1 - 1936.

— Cụ L. thị-Yến, số nhà 23 Hàng Gai, Hanoi, viên tịch ngày 4 - 4 - 1936.

— Cụ Huyền-Trịnh-thị-Tám ở số nhà 22 phố Cửa Bắc Hanoi, viên tịch ngày 7 - 4 - 1936.